

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Giáo dục Tiểu học**

Tên tiếng Anh: **Primary Education**

Mã ngành : **7140202**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 675/QĐ-ĐHTG ngày 15 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Tiền Giang, năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	3
1. Thông tin về chương trình đào tạo	3
1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo	3
1.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo	3
2. Chuẩn đầu vào	4
3. Cấp bằng tốt nghiệp	4
PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.	4
1. Mục tiêu cụ thể.....	4
2. Chuẩn đầu ra	5
2.1. Kiến thức	5
2.2. Kỹ năng.....	6
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	6
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo....	6
III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	7
1. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	7
2. Khung chương trình.....	8
3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học.....	15
4. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần	15
5. Đề cương chi tiết học phần	20
6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học.....	20
7. Thông tin cập nhật.....	21

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Khóa: 23

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTG ngày tháng năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Đại học Giáo dục tiểu học
- Tên ngành:
 - + Tiếng Việt: **Giáo dục Tiểu học**
 - + Tiếng Anh: **Primary Education**
- Mã ngành: 7140202
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: **Cử nhân Giáo dục Tiểu học**
 - + Tiếng Anh: **Bachelor of Primary Education**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học các Trường đại học trong nước gồm: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường Đại học Đồng Tháp; Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Cần Thơ; Trường Đại học An Giang; Trường Đại học Đà Nẵng.

1.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học chất lượng cao, có năng lực chuyên môn, nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc tại các trường tiểu học, các cơ sở giáo dục và các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục khác; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có phẩm chất, đạo đức nhà giáo, có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ nhân dân, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu tầm nhìn, sứ mệnh của Trường Đại học Tiền Giang là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao theo định hướng ứng dụng.

2. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTG ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

3. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, pháp luật, quốc phòng, an ninh, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục thể chất; có hiểu biết cơ bản về bản sắc văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam bộ nói riêng và Việt Nam, ASEAN nói chung.

PO02: Có kiến thức cơ sở ngành để phục vụ trực tiếp cho các học phần phương pháp dạy học; Có kiến thức khoa học chuyên ngành để phục vụ hoạt động giảng dạy và giáo dục ở tiểu học.

PO03: Có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý hoạt động giảng dạy và giáo dục ở tiểu học.

PO04: Có kiến thức về tin học và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của ngành.

1.2. Kỹ năng

PO05: Có năng lực sáng tạo ra những cách làm mới nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao. Có đủ sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra; có khả năng khởi nghiệp.

PO06: Có kỹ năng phản biện, phê phán, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động dạy học, giao tiếp và nghiên cứu chuyên ngành; Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện công việc của nhóm; Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp trong các hoạt động nghề nghiệp.

PO07: Có năng lực thiết kế các kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học, giáo dục và đặc điểm trình độ nhận thức của người học; tổ chức hiệu quả các hoạt động dạy học, giáo dục và các hoạt động tập thể thông qua dạy học các môn học ở tiểu học;

PO08: Có năng lực đánh giá và nghiên cứu, vận dụng vào hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học giáo dục ở tiểu học; phân tích, đánh giá sự tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập và xác định được những nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của

học sinh;

PO09: Sử dụng linh hoạt, hiệu quả và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp các phương pháp dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế. Thực hiện hiệu quả và hỗ trợ đồng nghiệp các biện pháp hỗ trợ, tư vấn học đường ở trường tiểu học.

PO10: Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học tiểu học, sử dụng một số phần mềm thông dụng để đánh giá kết quả dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học giáo dục; sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO11: Có phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân. Có phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp.

PO12: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

PO13: Có khả năng nhận biết được bản thân để phát huy tiềm năng; hiểu được ý nghĩa cuộc sống để hướng đến hạnh phúc, có trách nhiệm với xã hội. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, quản lý và thực hiện kế hoạch học tập chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm một cách hiệu quả.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

- Giáo viên dạy học tại các trường tiểu học trong nước.
- Có thể trở thành cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ.

- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành giáo dục tiểu học, quản lý giáo dục, khoa học giáo dục và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo ở trong và ngoài nước.
- Có khả năng thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

K02: Vận dụng kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, chương trình các môn học giáo dục phổ thông (bậc tiểu học), phát triển chương trình nhà trường làm nền tảng để thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục ở tiểu học.

K03: Lựa chọn các kiến thức ngành và chuyên ngành, khoa học tự nhiên, xã hội để lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý hoạt động giảng dạy và giáo dục ở tiểu học.

K04: Vận dụng kiến thức về lí luận dạy học, phương pháp và kỹ thuật dạy học các môn học ở tiểu học, phương pháp kiểm tra đánh giá và phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn và đánh giá học sinh tiểu học.

K05: Vận dụng kiến thức về môi trường giáo dục, mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội để tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục ở tiểu học.

2.2. Kỹ năng

S01: Thực hiện các kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề; đánh giá chất lượng công việc.

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

S03: Đánh giá kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục ở tiểu học.

S04: Vận dụng các kỹ năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành và nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng để kịp thời điều chỉnh và tổ chức các hoạt động giáo dục.

S05: Phân tích được các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học để xác định phương án giải quyết phù hợp.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01: Tổ chức làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

A02: Giải thích việc tự định hướng và kết luận chuyên môn thực hiện có hiệu quả các hoạt động liên quan đến giáo dục tiểu học và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.

A03: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo.

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra												
	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
PO01	x												
PO02		x	x	x									
PO03		x	x	x	x								
PO04	x												
PO05						x		x	x	x			
PO06						x		x	x	x			
PO07						x		x	x	x			

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra												
	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
PO08						x		x	x	x			
PO09						x		x	x	x			
PO10							x						
PO11											x	x	x
PO12											x	x	
PO13											x	x	

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **197**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **125**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	27	4	31	24.80
2	Kiến thức cơ sở ngành	16	0	16	12.80
3	Kiến thức ngành	50	2	52	41.60
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	0	14	14	11.20
5	Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế	6	0	6	4.80
6	Khóa luận/Chuyên đề/ Đồ án cuối khóa	0	6	6	4.80
Tổng cộng		99	26	125	100%

* Khối kiến thức giáo dục đại cương, gồm 23 học phần. Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về về khoa học xã

hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Việt Nam, Tiếng Anh và giáo dục thể chất để người học vận dụng được những kiến thức đó vào lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.

* Khối kiến thức cơ sở ngành, gồm 08 học phần. Khối kiến thức cơ sở ngành giúp người học có kiến thức vững chắc về nhập môn nghề giáo viên Tiểu học, đặc điểm sinh lý học trẻ em, tâm lý học đại cương, tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm, về giáo dục học đại cương, lý luận giáo dục và lý luận dạy học ở trường Tiểu học và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở tiểu học để người học vận dụng được những kiến thức đó vào lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ở trường tiểu học một cách phù hợp nhất.

* Khối kiến thức ngành, gồm 33 học phần. Khối kiến thức ngành giúp người học có được kiến thức chuyên môn toàn diện ứng dụng vào dạy học các môn học ở tiểu học và giáo dục học sinh ở trường tiểu học, đồng thời người học phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

* Kiến thức chuyên sâu/ bổ trợ, gồm 22 học phần. Khối kiến thức chuyên sâu/ bổ trợ giúp cho người học hiểu và vận dụng được các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh; người học có khả năng ứng dụng các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học cho học sinh ở trường tiểu học.

* Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, gồm 03 học phần. Khối kiến thức này giúp cho người học phân tích, vận dụng được các kiến thức một cách toàn diện vào phương pháp dạy học để nâng cao năng lực dạy học, giáo dục đa dạng cho học sinh, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học.

2. Khung chương trình

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							11	11	
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							18	4	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
05032	Cơ sở văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á	30					2	2	
05102	Đại cương về Văn học Việt Nam	30					2		
06022	Lịch sử văn minh thế giới	15	30				2		
15362	Kỹ năng giao tiếp	15	30				2		
05052	Kỹ năng mềm	15	30				2		
15562	Văn học dân gian thiếu nhi	15	30				2		
99382	Thi pháp văn học dân gian	15	30				2		
15572	Văn học viết thiếu nhi	15	30				2		
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)							6	6*	
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							12	12	
08024	English 1	60					4	4	08012
08034	English 2	60					4	4	08024 ⁺
08044	English 3	60					4	4	08034 ⁺
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường							13	4	
08722	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê Toán	15	30				2	2	
Chọn tự do 2 (tích luỹ tối thiểu 2 TC)									
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3	2	
11902	Con người và môi trường	30					2		
03572	Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	15	30				2		
15422	Cơ sở toán học của dạy học giải toán tiểu học	15	30				2		
15222	Giáo dục môi trường và vệ sinh, an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học	15	30				2		
1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3*	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh							165 tiết		
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							54	31	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							16	16	
17062	Sinh lý học trẻ em	15	30				2	2	
15002	Nhập môn nghề giáo viên Tiểu học	15	30				2	2	
15062	Tâm lý học đại cương	15	30				2	2	
15183	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	30	30				3	3	15062 ⁺
15292	Giáo dục học đại cương	15	30				2	2	15062 ⁺
15063	Lý luận giáo dục và lý luận dạy học ở trường Tiểu học	30	30				3	3	15292 ⁺
15461	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1			30			1	1	
15471	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2			30			1	1	
2.2. Ngành							65	52	
05512	Tiếng Việt thực hành (tiểu học)	15	30				2	2	
05472	Tiếng Việt 1	15	30				2	2	
05482	Tiếng Việt 2	15	30				2	2	05472 ⁺
05492	Tiếng Việt 3	15	30				2	2	05482 ⁺
08002	Toán học 1	15	30				2	2	
08102	Toán học 2	15	30				2	2	08002 ⁺
08112	Toán học 3	15	30				2	2	08102 ⁺

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
18002	Tự nhiên - Xã hội 1	15	30				2	2	
18012	Tự nhiên - Xã hội 2	15	30				2	2	18002 ⁺
18062	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	15	30				2	2	
18142	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học	15	30				2	2	
18152	Lý luận dạy học Tự nhiên và xã hội ở tiểu học	15	30				2	2	
05722	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1	15	30				2	2	18062 ⁺
15312	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2	15	30				2	2	05722 ⁺
08852	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1	15	30				2	2	18142 ⁺
08862	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2	15	30				2	2	08852 ⁺
18392	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	15	30				2	2	18152 ⁺
00352	Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học	15	30				2	2	
18102	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở Tiểu học	15		30			2	2	
18112	Hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	15	30				2	2	
15382	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục	15	30				2	2	15062 ⁺
18132	Phát triển chương trình Tiểu học	15	30				2	2	
18092	Đánh giá hoạt động học tập ở Tiểu học	15	30				2	2	
18122	Giáo dục hòa nhập ở Tiểu học	15	30				2	2	
18752	Tổ chức dạy học tích hợp trong trường tiểu học	15	30				2	2	
Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 2 TC)							15	2	
18733	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	15		60			3	2	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
18672	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	15		60			3		
18742	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	15		60			3		
12822	Phương pháp dạy học Giáo dục thể chất ở Tiểu học	15		30			2		
15142	Phương ngữ và dạy học chính tả	15	30				2		
18762	Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học	15	30				2		08862+
2.3. Chuyên sâu/Bổ trợ							44	14	
Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 4 TC)							16	4	
18772	Giáo dục STEM ở tiểu học	15	30				2		
12712	Kỹ năng thiết kế tổ chức các hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	15		30			2		
15342	Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	15	30				2		
18712	Sinh hoạt chuyên môn ở trường Tiểu học	15	30				2		
18782	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	15	30				2		
15402	Tư vấn tâm lý cho học sinh tiểu học	15	30				2		
18722	Thiết kế đồ dùng dạy học	15	30				2		
15242	Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong trường Tiểu học	15	30				2		15063+
Chọn tự do 7 (tích lũy tối thiểu 4 TC) - Nhóm PPDH Tiếng Việt tiểu học							12	4	
15272	Phát triển kỹ năng dạy học văn miêu tả	15	30				2		15312+
15032	Phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học	15	30				2		15312+
18792	Phát triển kỹ năng viết cho học sinh tiểu học	15	30				2		15312+
18802	Phát triển kỹ năng đọc cho học sinh tiểu học	15	30				2		15312+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
18812	Phát triển kỹ năng sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học	15	30				2		15312+
18822	Phát triển kỹ năng nghe – nói cho học sinh tiểu học	15	30				2		15312+
Chọn tự do 8 (tích lũy tối thiểu 4 TC) - Nhóm PPDH Toán tiểu học							10	4	
18842	Phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học	15	30				2		08862+
18852	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học	15	30				2		08862+
18892	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học	15	30				2	4	08862+
18902	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học	15	30				2		08862+
18912	Phát triển năng lực mô hình hoá toán học cho học sinh tiểu học	15	30				2		08862+
Chọn tự do 9 (tích lũy tối thiểu 2 TC) - Nhóm PPDH TNXH ở tiểu học							6	2	
18862	Phát triển năng lực dạy học môn Tự nhiên và xã hội	15	30				2		18392+
18872	Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học	15	30				2	2	18392+
18882	Phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lý	15	30				2		18392+
2.4. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế, Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							18	12	
2.4.1. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế							6	6	
18602	Thực tập sư phạm 1				90		2	2	
18614	Thực tập sư phạm 2				180		4	4	18602+
2.4.2. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							12	6	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
18692	Chuyên đề dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	15	30				2	6	15312+
18682	Chuyên đề dạy học Toán ở Tiểu học	15	30				2		08862+
18702	Chuyên đề dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	15	30				2		18392+
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
18676	Khoá luận tốt nghiệp					360	6	6	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							143	94	
Số tín chỉ tổng cộng: 197 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 125 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) *Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần có tích lũy điểm vào điểm trung bình chung tích lũy của khoá học (các học phần General English 1, General English 2) hoặc đủ điều kiện xét tốt nghiệp (các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh). Điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.*

(**) *Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong phần mềm hệ thống thông tin tích hợp (TGUIIS) đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.*

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02/8/2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- *TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.*

- *HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)*

- *HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺.*

3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo

4. Ma trận phân bố chi tiết CĐR của CTĐT vào các học phần

4.1. Bảng chi tiết CĐR của CTĐT

Số TT	Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR	Ghi chú
1	KIẾN THỨC		
1.1	K01	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.	
1.1.1	K01.1	Hiểu kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật đại cương, quốc phòng – an ninh, văn hóa và môi trường	
1.1.2	K01.2	Vận dụng được kiến thức về giáo dục thể chất nhằm có được sức khỏe để học tập và làm việc	
1.1.3	K01.3	Vận dụng được kiến thức về ứng dụng CNTT cơ bản vào học tập, nghiên cứu, làm việc	
1.1.4	K01.4	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên	
1.1.5	K01.5	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội	
1.2	K02	Vận dụng kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, chương trình các môn học giáo dục phổ thông (bậc tiểu học), phát triển chương trình nhà trường làm nền tảng để thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục ở tiểu học.	
1.2.1	K02.1	Vận dụng được các kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm trong công tác giảng dạy và giáo dục ở trường tiểu học.	
1.2.2	K02.2	Tiếp cận và vận dụng hiệu quả các xu hướng dạy học hiện đại; các kiến thức về chương trình các môn học giáo dục phổ thông (bậc tiểu học), các nguyên tắc cơ bản trong thiết kế chương trình học ở trường tiểu học vào xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục ở tiểu học.	
1.3	K03	Lựa chọn các kiến thức ngành và chuyên ngành, khoa học tự nhiên, xã hội để lập kế hoạch, tổ chức,	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
		giám sát, quản lý hoạt động giảng dạy và giáo dục ở tiểu học.	
1.3.1	K03.1	Vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Việt và các phương pháp dạy học tiếng Việt vào trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	
1.3.2	K03.2	Vận dụng được các kiến thức về cơ sở toán học và xác định các vấn đề trọng tâm trong dạy học toán ở tiểu học; giải thích được mối quan hệ giữa toán học và cuộc sống, giữa toán học và các môn khoa học khác; có kiến thức về các phương pháp dạy học toán ở tiểu học.	
1.3.3	K03.3	Vận dụng được các kiến thức cơ sở về Tự nhiên-Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý; Đạo đức; Hoạt động trải nghiệm trong hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.	
1.4	K04	Vận dụng kiến thức về lí luận dạy học, phương pháp và kỹ thuật dạy học các môn học ở tiểu học, phương pháp kiểm tra đánh giá và phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn và đánh giá học sinh tiểu học.	
1.4.1	K04.1	Vận dụng được các kiến thức về lí luận dạy học, phương pháp và kỹ thuật dạy học các môn học ở tiểu học, lập kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học các môn học đạt kết quả cao.	
1.4.2	K04.2	Vận dụng được các phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh tiểu học.	
1.4.3	K04.3	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành vào thực tiễn giáo dục ở trường tiểu học.	
1.5	K05	Vận dụng kiến thức về môi trường giáo dục, mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội để tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục ở tiểu học.	
1.5.1	K05.1	Hiểu được bản chất của môi trường giáo dục ở tiểu học, hoạt động học ở tiểu học, các yêu cầu của dạy học và vận dụng phù hợp với từng đối tượng học sinh tiểu học.	
1.5.2	K05.2	Vận dụng kiến thức về môi trường giáo dục, mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học và giáo dục học sinh ở trường tiểu học.	
1.5.3	K05.3	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lập kế hoạch,	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
		quản lý hoạt động giảng dạy và giáo dục vào lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, giám sát hoạt động chuyên môn phù hợp với môi trường tiểu học.	
2	KỸ NĂNG		
2.1	S01	Thực hiện các kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề; đánh giá chất lượng công việc.	
2.1.1	S01.1	Phản biện, phê phán	
2.1.2	S01.2	Xác định và khái quát hóa vấn đề	
2.1.3	S01.3	Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn	
2.1.4	S01.4	Đề xuất giải pháp	
2.1.5	S01.5	Xác định mục tiêu, các tiêu chí đánh giá và đánh giá chất lượng công việc của mỗi thành viên trong nhóm	
2.1.6	S01.6	Xác định các tiêu chí đánh giá thành viên và thực hiện đánh giá kết quả làm việc của mỗi thành viên	
2.2	S02	Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	
2.2.1	S02.1	1. Sử dụng ngoại ngữ giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày	
2.2.2	S02.2	2. Đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ	
2.3	S03	Đánh giá kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục ở tiểu học.	
2.3.1	S03.1	Xác định được các điều kiện, yếu tố chi phối việc lập, thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục ở tiểu học; Lập được kế hoạch dạy học, giáo dục trong năm học, học kỳ...	
2.3.2	S03.2	Chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục; Vận dụng được các kiến thức về tâm lý học, giáo dục học vào thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học một cách hiệu quả.	
2.3.3	S03.3	Lựa chọn, xác định và vận dụng được các phương pháp, phương tiện dạy học và giáo dục, kỹ thuật đánh giá HS tiểu học phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng và bối cảnh dạy học, giáo dục. Vận dụng hiệu quả kết quả	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
		đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh tiểu học để cải tiến hoạt động dạy học và hỗ trợ, tư vấn cho học sinh.	
2.3.4	S03.4	Xây dựng quan hệ tin cậy với HS tiểu học. Xác định được các phương án tư vấn, hỗ trợ HS phù hợp với hoàn cảnh riêng của từng học sinh tiểu học. Thực hiện hiệu quả và hỗ trợ đồng nghiệp các biện pháp hỗ trợ, tư vấn học đường ở trường tiểu học.	
2.3.5	S03.5	Tham gia, tổ chức và thực hiện được các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học và giáo dục học sinh ở trường tiểu học. Sử dụng được các phương pháp cơ bản phối hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ trong việc giáo dục học sinh tiểu học.	
2.4	S04	Vận dụng các kỹ năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành và nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng để kịp thời điều chỉnh và tổ chức các hoạt động giáo dục.	
2.4.1	S04.1	Xác định, triển khai được một số đề tài nghiên cứu gắn với chuyên ngành và thực tiễn GD ở trường tiểu học.	
2.4.2	S04.2	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để thực hiện những nghiên cứu đơn giản phục vụ hoạt động dạy học ở tiểu học hiệu quả.	
2.5	S05	Phân tích được các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học để xác định phương án giải quyết phù hợp.	
2.5.1	S05.1	Vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ học và tiếng Việt để mô tả, phân tích các đơn vị, cấu trúc, hiện tượng thông thường của tiếng Việt. Vận dụng được kiến thức về văn học để phân tích, đánh giá tác phẩm văn học ở mức độ đơn giản.	
2.5.2	S05.2	Vận dụng được kiến thức toán học để phát hiện, phân tích những ý tưởng toán học cơ bản thuộc lĩnh vực số học, hình học, đại số, thống kê mô tả và xác suất cơ bản; mô hình hóa và giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống dưới dạng các bài toán có lời văn.	
2.5.3	S05.3	Vận dụng được kiến thức về các lĩnh vực vật lý, sinh học, hóa học, địa lý tự nhiên, lịch sử, văn hóa, địa lý xã hội để phân tích, giải thích những hiện tượng, quy luật	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
		cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội ở tiểu học.	
2.5.4	S05.4	Vận dụng được kiến thức về mỹ thuật để trang trí, vẽ tranh đơn giản và đánh giá tác phẩm hội họa thông thường; vận dụng được kiến thức về âm nhạc để hát theo nhạc và đánh giá tác phẩm âm nhạc thông thường; vận dụng được kiến thức về kỹ thuật cơ bản để đánh giá những mô hình kỹ thuật, công nghệ đơn giản.	
3	NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
3.1	A01	Tổ chức làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	
3.1.1	A01.1	Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi	
3.1.2	A01.2	Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc	
3.1.3	A01.3	Hướng dẫn cho người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn	
3.1.4	A01.4	Giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn	
3.2	A02	Giải thích việc tự định hướng và kết luận chuyên môn thực hiện có hiệu quả các hoạt động liên quan đến giáo dục tiểu học và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.	
3.2.1	A02.1	Đối chiếu các yêu cầu của chuẩn đầu ra và thực tiễn giáo dục với phẩm chất, năng lực của bản thân để tự đánh giá được những mặt mạnh, mặt yếu và có kế hoạch bồi dưỡng.	
3.2.2	A02.2	Lập được kế hoạch, quản lý, thực hiện kế hoạch học tập chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm một cách hiệu quả.	
3.2.3	A02.3	Có khả năng vận dụng sáng tạo tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của cá nhân đáp ứng các yêu cầu sát hạch của việc giảng dạy và giáo dục học sinh tiểu học một cách hệ thống, tạo sự thích ứng trong lao động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp	
3.3	A03	Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo.	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
3.3.1	A03.1	Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.	
3.3.2	A03.2	Tham gia tích cực các hoạt động chính trị, xã hội do Ngành, nhà trường tổ chức. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân. Có trách nhiệm, ý thức tổ chức kỉ luật, ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung.	
3.3.3	A03.3	Trau dồi và giữ gìn phẩm chất, đạo đức, danh dự, uy tín của nhà giáo. Yêu thương, tôn trọng, tin tưởng và trách nhiệm với HS.	
3.3.4	A03.4	Ứng xử lịch sự, thân thiện với đồng nghiệp, HS, CMHS...Lối sống lành mạnh, văn minh. Tác phong, hành vi chuẩn mực.	
3.3.5	A03.5	Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân theo các yêu cầu về phẩm chất nhà giáo.	

4.2. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần

Phụ lục II: Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần

5. Đề cương chi tiết học phần

Phụ lục III: Bộ đề cương chi tiết học phần của chương trình

6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học

6.1. Thời gian đào tạo của các học phần

- Mỗi học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay toàn phần) của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

- Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

6.2. Thời gian đào tạo của Chương trình

a) Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

- Khóa học là khoản thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể.

- Một năm học có 2 học kỳ chính. Trường có thể tổ chức thêm 1 học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện điểm, hoặc học tập chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng -An ninh (mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học, 2 tuần thi và chấm thi).

- Đầu học kỳ, Nhà trường công bố kế hoạch mở lớp học phần (trực tiếp hoặc trực tuyến) trên cơ sở kế hoạch giảng dạy của khóa ngành học, trong đó

công khai đầy đủ các thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

b) Căn cứ vào Khung kế hoạch giảng dạy trong chương trình đã được phê duyệt, Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học; xây dựng thời khóa biểu học kỳ và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên ít nhất 02 tuần trước học kỳ.

7. Thông tin cập nhật

7.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đang tạo nên ý thức, quyết tâm chính trị của viên chức trong đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển Nhà trường.

- Sứ mạng của Trường được xác định chính thức trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHTG giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030, đó là: “Trường ĐHTG đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và nghiên cứu, ứng dụng khoa học-công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững vùng ĐBSCL, mang đến cho NH cơ hội nghề nghiệp để thăng tiến”.

- Chiến lược phát triển trường ĐHTG giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 với mục tiêu trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đa lĩnh vực, là trung tâm khoa học công nghệ và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, hướng tới trở thành một trong những cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của vùng Nam bộ. Trong đó, giá trị cốt lõi “Thiết thực - Hiệu quả - Hải hòa” và triết lý giáo dục “Học để tự chủ, giải quyết vấn đề thực tiễn, phát huy tiềm năng và sống hải hòa”.

- Nhằm mục đích nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo trong nhà trường, đáp ứng chuẩn đầu ra và các yêu cầu về kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và kiện toàn hệ thống đào tạo đảm bảo chất lượng bên trong, gắn kết nghề nghiệp theo thực tế phát triển bên ngoài xã hội. CTĐT được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật hàng năm, từ sự tiếp nhận ý kiến đóng góp của các GV, CBQL, nhà khoa học, nhà tuyển dụng và người sử dụng lao động. CTĐT được cung cấp cho NH từ đầu khóa học hoặc đầu học kỳ. Nhà trường đã đột phá vào khâu đào tạo là chỉnh sửa CTĐT theo hướng hiện đại và giảm tải, nhằm góp phần đào tạo SV theo định hướng ứng dụng.

- Trường đã triển khai thực hiện kế hoạch phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế, tổ chức tập huấn xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn CDIO cho giảng viên; thực hiện thí điểm xây dựng chương trình đào tạo theo CDIO. Thực hiện kế hoạch phát triển CTĐT đáp ứng CDR theo phương pháp tiếp cận CDIO giai đoạn 2018-2020.

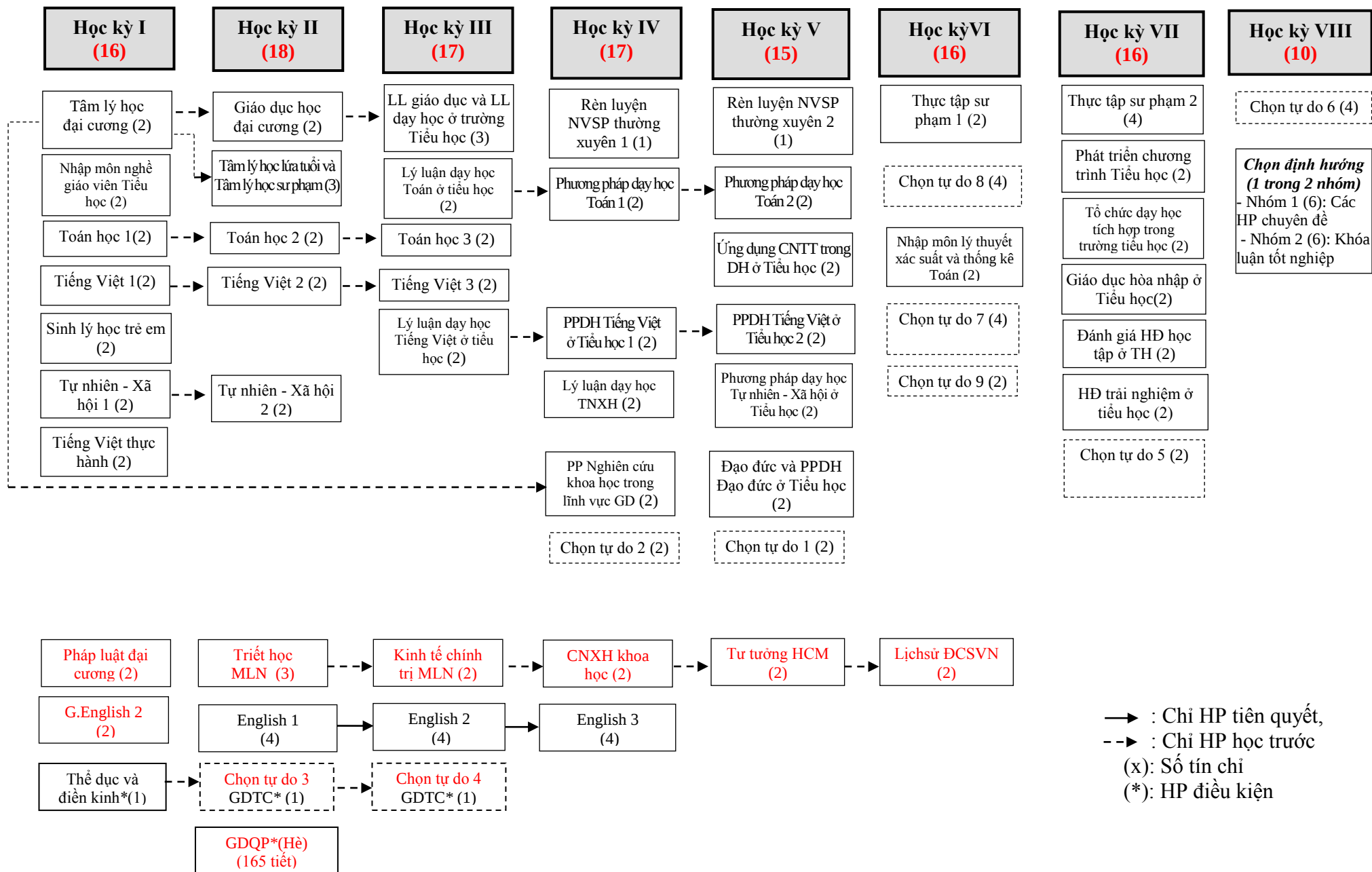
7.2. Thông tin kiểm định

Thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài theo lộ trình tại Kế hoạch số 415/KH-ĐHTG, ngày 12/4/2023 của Trường Đại học Tiền Giang./.

PHỤ LỤC I:

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

Phụ lục bảng: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Giáo dục Tiểu học



PHỤ LỤC II:

MA TRẬN PHÂN BỐ CHI TIẾT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT VÀO CÁC HỌC PHẦN

Phần 1: Kiến thức

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần															
			K01					K02		K03			K04			K05		
			K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K01.5	K02.1	K02.2	K03.1	K03.2	K03.3	K04.1	K04.2	K04.3	K05.1	K05.2	K05.3
I	Tâm lý học đại cương	15062					2	3										
	Nhập môn nghề giáo viên Tiểu học	15002					2		3							2		
	Toán học 1	08002				3					3							
	Tiếng Việt 1	05472					2			3								
	Sinh lý học trẻ em	17062				2						3						
	Tự nhiên - Xã hội 1	18002				2						3						
	Tiếng Việt thực hành (tiểu học)	05512					2			3		3						
	Pháp luật đại cương	71012	3				3											
	Thể dục và điền kinh*	12371	3															
	General English 2*	08012					2											
II	Giáo dục học đại cương	15292					2	3										
	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	15183					2	3										
	Toán học 2	08012				3					3							
	Tiếng Việt 2	05482					2			3								
	Tự nhiên - Xã hội 2	18012				2	2					3						

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần															
			K01					K02		K03			K04			K05		
			K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K01.5	K02.1	K02.2	K03.1	K03.2	K03.3	K04.1	K04.2	K04.3	K05.1	K05.2	K05.3
	Triết học Mác-Lênin	00033	3				3											
	English 1	08024					2											
	Nhóm học phần chọn tự do 3 (GDTC*)			3														
	Giáo dục quốc phòng và an ninh*			3														
3III	Lý luận giáo dục và lý luận dạy học ở trường Tiểu học	15063					2	2	3				3	3		3	2	2
	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học	18142				2		2	3		3		3	3		3	2	2
	Toán học 3	08112				3			3		3					3		
	Tiếng Việt 3	05492					2	2	3	2			3	3		3	2	2
	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	18062																
	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	01202	3				3											
	English 2	08034																
	Nhóm học phần chọn tự do 4 (GDTC*)			3														
IV	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	15461								3			3					

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần															
			K01					K02		K03			K04			K05		
			K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K01.5	K02.1	K02.2	K03.1	K03.2	K03.3	K04.1	K04.2	K04.3	K05.1	K05.2	K05.3
HK	Tiểu học																	
	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2	15312					2	3	3	3			3	3		T	2	2
	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	18392				2	2	2	3			3	3	3		3	2	2
	Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học	00352	2				2	2	3			3	3	3		3	2	2
	Nhóm học phần chọn tự do 1 (KHXXH-Nhân văn-Nghệ thuật)						2			3								
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	03212	3				3											
VI	Thực tập sư phạm 1	18602			3			3	3	4	4	4	4	4		4	4	4
	Nhóm học phần chọn tự do 7 (Nhóm Phương pháp dạy học Tiếng Việt)					2	3	3	3			3	3		3	2	2	2
	Nhóm học phần chọn tự do 8 (Nhóm Phương pháp dạy học				2		3	3		3		3	3		3	2	2	2

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần															
			K01					K02		K03			K04			K05		
			K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K01.5	K02.1	K02.2	K03.1	K03.2	K03.3	K04.1	K04.2	K04.3	K05.1	K05.2	K05.3
	Toán)																	
	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê Toán	08722				2					2							
	Nhóm học phần chọn tự do 9 (Nhóm Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội)					2	2	2	3			3	3	3		3	2	2
	Lịch sử Đảng CSVN	03022	3				3											
VII	Thực tập sư phạm 2	18614			3			3	3	4	4	4	4	4		4	4	4
	Phát triển chương trình Tiểu học	18132							3									
	Tổ chức dạy học tích hợp trong trường tiểu học	18752					2		2							2	2	2
	Giáo dục hòa nhập ở Tiểu học	18122					2	3					3	3		2	2	2
	Đánh giá hoạt động học tập ở Tiểu học	18092					2	3						3		2		
	Hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	18112					2					3	2	2		2	2	2
	Nhóm học phần chọn tự do 5 (Kiến thức ngành)					2	2	2	3			3	3	3		3	2	2
VIII	Nhóm học phần				2	2	2	3			3	3	3		3	2	2	

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần															
			K01					K02		K03			K04			K05		
			K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K01.5	K02.1	K02.2	K03.1	K03.2	K03.3	K04.1	K04.2	K04.3	K05.1	K05.2	K05.3
	chọn tự do 6 (Nhóm hỗ trợ)																	
	Chuyên đề dạy học Toán ở Tiểu học	18682																
	Chuyên đề dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	18692					2	3	3	3			3	3		3	2	2
	Chuyên đề dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	18702				2	2	2	3			3	3	3		3	2	2
	Khoá luận tốt nghiệp	18676													3			

Ghi chú: Đánh chỉ số vào ô có chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu, không đáp ứng để ô trống. (1. Ghi nhớ, 2. Hiểu, 3. Áp dụng, 4. Phân tích, 5. Đánh giá-sáng tạo)

Phần 2: Kỹ năng

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kỹ năng và TĐNL được phân bổ cho học phần																			
			S01						S02		S03					S04			S05			
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S03.4	S01.5	S04.1	S04.2	S04.3	S05.1	K05.2	S05.3	S05.4
I	Tâm lý học đại cương	15062	2				4	4				2	2	2								
	Nhập môn nghề giáo viên Tiểu học	15002	2	3	3		4	4						2	2							
	Toán học 1	08002	2	4	4	2	4	4											3			
	Tiếng Việt 1	05472	2	4	4	2	4	4										3				
	Sinh lý học trẻ em	17062	2	4	4	2	4	4												3		
	Tự nhiên - Xã hội 1	18002	2	4	4	2	4	4												3		
	Tiếng Việt thực hành (tiểu học)	05512	2	4	4	2	4	4										3				
	Pháp luật đại cương	71012	2	4	4	2	4	4														
	Thể dục và điền kinh*	12371					4	4														
	General English 2*	08012					4	4	3	3												
II	Giáo dục học đại cương	15292	2				4	4				2	2	2								
	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	15183	2				4	4				2	2	2								

[illegible]

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kỹ năng và TDNL được phân bổ cho học phần																			
			S01						S02		S03					S04			S05			
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S03.4	S01.5	S04.1	S04.2	S04.3	S05.1	K05.2	S05.3	S05.4
	trị Mác-Lênin																					
	English 2	08034					4	4	3	3												
	Nhóm học phần chọn tự do 4 (GDTC*)						4	4														
IV	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	15461					4	4			3	2	2									
	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1	08852	2				4	4				3	3	2					4			
	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1	05722	2				4	4				3	3	2				4				
	Lý luận dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học	18152	2				4	4				3	2	2								
	Phương pháp NCKH trong lĩnh vực giáo dục	15382					4	4								3	3					
	Nhóm học phần chọn tự do 2 (Toán-Tin-KHTN-		2	4	4	2	4	4											3			

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kỹ năng và TDNL được phân bổ cho học phần																			
			S01						S02		S03					S04			S05			
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S03.4	S01.5	S04.1	S04.2	S04.3	S05.1	K05.2	S05.3	S05.4
	Môi trường)																					
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	02112	2	4	4	2	4	4														
	English 3	08044					4	4	3	3												
V	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	15471	2	4	4	2	4	4			3	2	2	3	3							
	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2	08862	2				4	4				3	3	2					4			
	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở Tiểu học	18102					4	4														
	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2	15312	2				4	4				3	3	2				4				
	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	18392	2				4	4				3	3	2						4		
	Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu	00352	2				4	4				3	3	2						4		

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kỹ năng và TDNL được phân bổ cho học phần																			
			S01						S02		S03					S04			S05			
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S03.4	S01.5	S04.1	S04.2	S04.3	S05.1	K05.2	S05.3	S05.4
	học																					
	Nhóm học phần chọn tự do 1 (KHXXH-Nhân văn-Nghệ thuật)		2	4	4	2	4	4				2	3	3	3			3				
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	03212	2	4	4	2	4	4														
VI	Thực tập sư phạm 1	18602	2	4	4	2	4	4			4	4	4	4	4			4	4	4	4	
	Nhóm học phần chọn tự do 7 (Nhóm Phương pháp dạy học Tiếng Việt)		2				4	4				3	3	2					4			
	Nhóm học phần chọn tự do 8 (Nhóm Phương pháp dạy học Toán)		2				4	4				3	3	2					4			
	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê Toán	08722		3	3		4	4											3			
	Nhóm học phần chọn tự do 9 (Nhóm		2				4	4				3	3	2						4		

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kỹ năng và TDNL được phân bổ cho học phần																			
			S01						S02		S03					S04			S05			
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S03.4	S01.5	S04.1	S04.2	S04.3	S05.1	K05.2	S05.3	S05.4
	Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội)																					
	Lịch sử Đảng CSVN	03022	2	4	4	2	4	4														
VII	Thực tập sư phạm 2	18614	2	4	4	2	4	4			4	4	4	4	4			4	4	4	4	
	Phát triển chương trình Tiểu học	18132					4	4				3	3									
	Tổ chức dạy học tích hợp trong trường tiểu học	18752			3		4	4			2	2	2	2	2			2	2	2	2	
	Giáo dục hòa nhập ở Tiểu học	18122					4	4			2	2	3	3	2							
	Đánh giá hoạt động học tập ở Tiểu học	18092					4	4					3	3	2							
	Hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	18112					4	4				3	3	2	2							
	Nhóm học phần chọn tự do 5 (Kiến thức ngành)		2				4	4				3	3	2				2	2	2	2	

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Kỹ năng và TDNL được phân bổ cho học phần																			
			S01						S02		S03					S04			S05			
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S03.4	S01.5	S04.1	S04.2	S04.3	S05.1	K05.2	S05.3	S05.4
VIII	Nhóm học phần chọn tự do 6 (Nhóm bổ trợ)		2				4	4				3	3	2				4	4	4		
	Chuyên đề dạy học Toán ở Tiểu học	18682	2				4	4				3	3	2					4			
	Chuyên đề dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	18692	2				4	4				3	3	2				4				
	Chuyên đề dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	18702	2				4	4				3	3	2						4		
	Khoá luận tốt nghiệp	18676					4	4														

Ghi chú: Đánh chỉ số vào ô có chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu, không đáp ứng để ô trống (1. Bắt buộc, 2. Làm được, 3. Làm chính xác, 4. Phối hợp, 5. Thuần thục)

Phần 3: Mức tự chủ và trách nhiệm

[illegible]

[illegible]

HK	Học phần	Mã HP	CDR về Mức tự chủ và trách nhiệm và TĐNL được phân bổ cho học phần											
			A01				A02			A03				
			A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.1	A02.3	A03.1	A03.2	A03.3	A03.4	A03.5
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	03212	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
VI	Thực tập sư phạm 1	18602	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Nhóm học phần chọn tự do 7 (Nhóm Phương pháp dạy học Tiếng Việt)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Nhóm học phần chọn tự do 8 (Nhóm Phương pháp dạy học Toán)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê Toán	08722	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Nhóm học phần chọn tự do 9 (Nhóm Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Lịch sử Đảng CSVN	03022	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
VII	Thực tập sư phạm 2	18614	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Phát triển chương trình Tiểu học	18132	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Tổ chức dạy học tích hợp trong trường tiểu học	18752	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Giáo dục hòa nhập ở Tiểu học	18122	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Đánh giá hoạt động học tập ở Tiểu học	18092	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	18112	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Nhóm học phần chọn tự do 5 (Kiến thức ngành)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
VII I	Nhóm học phần chọn tự do 6 (Nhóm bổ trợ)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Chuyên đề dạy học Toán ở Tiểu học	18682	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Chuyên đề dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	18692	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Chuyên đề dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	18702	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	Khoá luận tốt nghiệp	18676	4	4	4	4	5	5	5	4	4	4	4	4

Ghi chú: Đánh chỉ số vào ô có chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu, không đáp ứng để ô trống (1. Tiếp nhận, 2 – Đáp ứng, 3.Đánh giá thừa nhận 4.Tổ chức thực hiện, 5. Đặc trưng hóa)

PHỤ LỤC III:

**BỘ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CTĐT ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SP & KHCB
TỔ XDCTĐT ĐH GDTH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO DANH MỤC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CTĐT ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
(kèm theo Phụ lục III của Bản Mô tả Chương trình dạy học)

STT	MHP	TÊN HỌC PHẦN	Báo cáo	
			Đã có ĐCCT	Chưa có ĐCCT (Ngày nộp bổ sung)
1	00033	Triết học Mác-Lênin		X
2	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		X
3	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học		X
4	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh		X
5	03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		X
6	71012	Pháp luật đại cương		X
7	05032	Cơ sở văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á	X	
8	05102	Đại cương về Văn học Việt Nam	X	
9	06022	Lịch sử văn minh thế giới	X	
10	15362	Kỹ năng giao tiếp	X	
11	05052	Kỹ năng mềm	X	
12	15562	Văn học dân gian thiếu nhi	X	
13	99382	Thi pháp văn học dân gian	X	
14	15572	Văn học viết thiếu nhi	X	
15	08004	General English 1		X
16	08012	General English 2		X
17	08024	English 1		X

STT	MHP	TÊN HỌC PHẦN	Báo cáo	
			Đã có ĐCCT	Chưa có ĐCCT (Ngày nộp bổ sung)
18	08034	English 2		X
19	08044	English 3		X
20	08722	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê Toán	X	
21	30053	Tin học ứng dụng cơ bản		X
22	11902	Con người và môi trường	X	
23	03572	Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	X	
24	15422	Cơ sở toán học của dạy học giải toán tiểu học	X	
25	15222	Giáo dục môi trường và vệ sinh, an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học	X	
26	12371	Thể dục và điền kinh		X
27	12391	Bóng chuyền 1		X
28	12401	Cầu lông 1		X
29	12271	Đá cầu 1		X
30	12411	Bóng rổ 1		X
31	12441	Bóng chuyền 2		X
32	12481	Cầu lông 2		X
33	12281	Đá cầu 2		X
34	12461	Bóng rổ 2		X
35	17062	Sinh lý học trẻ em	X	
36	15002	Nhập môn nghề giáo viên Tiểu học	X	
37	15062	Tâm lý học đại cương	X	
38	15183	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	X	

STT	MHP	TÊN HỌC PHẦN	Báo cáo	
			Đã có ĐCCT	Chưa có ĐCCT (Ngày nộp bổ sung)
39	15292	Giáo dục học đại cương	X	
40	15063	Lý luận giáo dục và lý luận dạy học ở trường Tiểu học	X	
41	15461	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	X	
42	15471	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	X	
43	05512	Tiếng Việt thực hành (tiểu học)	X	
44	05472	Tiếng Việt 1	X	
45	05482	Tiếng Việt 2	X	
46	05492	Tiếng Việt 3	X	
47	08002	Toán học 1	X	
48	08102	Toán học 2	X	
49	08112	Toán học 3	X	
50	18002	Tự nhiên - Xã hội 1	X	
51	18012	Tự nhiên - Xã hội 2	X	
52	18062	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	X	
53	18142	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học	X	
54	18152	Lý luận dạy học Tự nhiên và xã hội ở tiểu học	X	
55	05722	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1	X	
56	15312	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2	X	
57	08852	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1	X	

STT	MHP	TÊN HỌC PHẦN	Báo cáo	
			Đã có ĐCCT	Chưa có ĐCCT (Ngày nộp bổ sung)
58	08862	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2	X	
59	18392	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	X	
60	00352	Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học	X	
61	18102	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở Tiểu học	X	
62	18112	Hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	X	
63	15382	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục	X	
64	18132	Phát triển chương trình Tiểu học	X	
65	18092	Đánh giá hoạt động học tập ở Tiểu học	X	
66	18122	Giáo dục hòa nhập ở Tiểu học	X	
67	18752	Tổ chức dạy học tích hợp trong trường tiểu học	X	
68	18733	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	X	
69	18672	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	X	
70	18742	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	X	
71	12822	Phương pháp dạy học Giáo dục thể chất ở Tiểu học	X	
72	15142	Phương ngữ và dạy học chính tả	X	
73	18762	Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học	X	
74	18772	Giáo dục STEM ở tiểu học	X	

STT	MHP	TÊN HỌC PHẦN	Báo cáo	
			Đã có ĐCCT	Chưa có ĐCCT (Ngày nộp bổ sung)
75	12712	Kỹ năng thiết kế tổ chức các hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	X	
76	15342	Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	X	
77	18712	Sinh hoạt chuyên môn ở trường Tiểu học	X	
78	18782	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	X	
79	15402	Tư vấn tâm lý cho học sinh tiểu học	X	
80	18722	Thiết kế đồ dùng dạy học	X	
81	15242	Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong trường Tiểu học	X	
82	15272	Phát triển kỹ năng dạy học văn miêu tả	X	
83	15032	Phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học	X	
84	18792	Phát triển kỹ năng viết cho học sinh tiểu học	X	
85	18802	Phát triển kỹ năng đọc cho học sinh tiểu học	X	
86	18812	Phát triển kỹ năng sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học	X	
87	18822	Phát triển kỹ năng nghe – nói cho học sinh tiểu học	X	
88	18842	Phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học	X	
89	18852	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học	X	
90	18892	Phát triển năng lực giao tiếp toán học	X	

STT	MHP	TÊN HỌC PHẦN	Báo cáo	
			Đã có ĐCCT	Chưa có ĐCCT (Ngày nộp bổ sung)
		cho học sinh tiểu học		
91	18902	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học	X	
92	18912	Phát triển năng lực mô hình hoá toán học cho học sinh tiểu học	X	
93	18862	Phát triển năng lực dạy học môn Tự nhiên và xã hội	X	
94	18872	Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học	X	
95	18882	Phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lý	X	
96	18602	Thực tập sư phạm 1	X	
97	18614	Thực tập sư phạm 2	X	
98	18692	Chuyên đề dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	X	
99	18682	Chuyên đề dạy học Toán ở Tiểu học	X	
100	18702	Chuyên đề dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học	X	
101	18676	Khoá luận tốt nghiệp	X	
Tổng cộng			90	21

LÃNH ĐẠO KHOA

TỔ TRƯỞNG XDCTĐT

Võ Thị Trúc Giang

Bùi Quang Thịnh

Nơi nhận:

- P.QLĐT;
- VT: KSP&KHCB.